

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MAI SƠN
TỈNH SƠN LA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 23/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 25-4-2025

V/v: Xin ly hôn giữa anh T và chị
B

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MAI SƠN, TỈNH SƠN LA

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Minh Quân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hà Văn Sơ

2. Ông Cầm Văn Tổ

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Lương Thị Vân Anh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa:** Bà Tường Thị Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 4 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 67/2024/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 12 năm 2024 về việc: Xin ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 3 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2025/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 4 năm 2025 giữa:

- Nguyên đơn: Anh Cao Xuân T, sinh năm 1996, địa chỉ: Tiểu khu G, xã N, huyện M, tỉnh Sơn La. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Chị Đỗ Thị B, sinh năm 1998, địa chỉ: Tiểu khu A, xã C, huyện M, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện về việc xin ly hôn ngày 24/12/2024 và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn anh Cao Xuân T trình bày:

Anh và chị Đỗ Thị B kết hôn với nhau ngày 18 tháng 10 năm 2023. Khi kết hôn anh chị đã đủ tuổi kết hôn theo quy định của pháp luật, việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện M, tỉnh Sơn La.

Sau khi kết hôn anh chị chung sống hoà thuận, hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan

điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung nên tình cảm xa cách. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, anh T đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với chị B.

Anh chị chưa có con chung

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Quá trình giải quyết do chị Đỗ Thị B không có mặt tại nơi cư trú nên Tòa án niêm yết công khai các văn bản tố tụng về việc giải quyết vụ án xin ly hôn theo yêu cầu của anh T nhưng chị B không có mặt và không có ý kiến về việc giải quyết vụ án.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cũng đã tiến hành xác minh về nguyên nhân mâu thuẫn giữa hai vợ chồng tại chính quyền địa phương nơi cư trú của chị B cư trú xác định: Sau khi chị B và anh T đăng ký kết hôn không sinh sống tại địa phương mà đều đi học, đi làm xa. Trong dịp Tết Nguyên Đán năm 2025 chị B có về ăn tết cùng bố mẹ tại tiểu khu nhưng chính quyền địa phương cũng không nắm bắt được nguyên nhân mâu thuẫn giữa hai vợ chồng anh chị. Việc gia đình chị B từ chối làm việc với Tòa án thì chính quyền địa phương cũng nhất trí phối hợp thực hiện các thủ tục niêm yết công khai các văn bản tố tụng của Tòa án theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của Kiểm sát viên:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, thư ký: Từ khi Tòa án tiến hành thụ lý vụ án cho đến khi ra quyết định đưa vụ án ra xét xử Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện các thủ tục tố tụng theo đúng quy định pháp luật.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử tham gia đúng thành phần như trong quyết định đưa vụ án ra xét xử, các trình tự của phiên tòa sơ thẩm diễn ra theo đúng quy định của pháp luật.

- Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa hôm nay nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình, có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải và xét xử vắng mặt; bị đơn chị Đỗ Thị B đã được tổng đạt các thủ tục theo quy định của pháp luật nhưng không có mặt để giải quyết vụ án, nên Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp theo quy định tại Điều 227; Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 227, Điều 228, Điều 238; Điều 147, 266, 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Xử cho anh Cao Xuân T ly hôn với chị Đỗ Thị B.

2. Về con chung: Không có
3. Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn kê khai không có, bị đơn không có ý kiến về việc giải quyết vụ án nên không xem xét, giải quyết. Nếu sau này có tranh chấp thì được khởi kiện bằng vụ án dân sự khác.
4. Về án phí: Anh T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa và các quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử phân tích, đánh giá, nhận định như sau:

[1] Về thẩm quyền giải quyết và quan hệ tranh chấp: Anh Cao Xuân T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với chị Đỗ Thị B có nơi cư trú tại tiểu khu A, xã C, huyện M, tỉnh Sơn La. Vì vậy xác định quan hệ tranh chấp giữa các bên là “Ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

[2] Về sự vắng mặt của các đương sự tại phiên tòa xét xử: Nguyên đơn có đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn đã được Tòa án niêm yết công khai Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa theo quy định nhưng không có mặt để làm việc cũng không có ý kiến về việc giải quyết vụ án. Nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự là phù hợp với quy định tại Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Anh Cao Xuân T và chị Đỗ Thị B có đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện M, tỉnh Sơn La ngày 18/10/2023 (số A). Khi kết hôn anh chị có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật, việc kết hôn trên cơ sở tự nguyện của cả hai bên nên quan hệ hôn nhân của anh T, chị B là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Anh T cho rằng cuộc sống vợ chồng của hai anh chị không hạnh phúc, vợ chồng không quan tâm đến nhau và không sống cùng nhau nên đề nghị giải quyết ly hôn. Chị B dù đã được Tòa án niêm yết công khai các văn bản tố tụng để giải quyết yêu cầu ly hôn với anh T nhưng không có mặt, không có ý kiến về việc giải quyết vụ án.

Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa anh T và chị B đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh T đối với chị B.

[4] Về con chung: Không có.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Anh T không kê khai và không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung vợ chồng. Chị B không có ý kiến về việc giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Nếu sau này có tranh chấp thì được khởi kiện bằng vụ án dân sự khác.

[6] Về án phí: Anh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 227, Điều 228, Điều 238, các Điều 147, 266, 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;
- Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;
- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.
- Nghị Quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết các vụ việc về hôn nhân gia đình.

1. Xử cho anh Cao Xuân T được ly hôn với chị Đỗ Thị B.
2. Về con chung: Không có
3. Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết trong vụ án. Nếu sau này có tranh chấp thì được khởi kiện bằng vụ án dân sự khác.
4. Về án phí: Anh Cao Xuân T phải chịu tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu số: 0002359 ngày 24/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND huyện Mai Sơn;
- Chi cục THADS huyện Mai Sơn;
- UBND xã Cò Nòi, huyện Mai Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Hà Minh Quân

